

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày 09-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cao và bà Nguyễn Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2019/TLST-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đinh T; sinh ngày 17 tháng 10 năm 1974 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Bản R, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Bru - Vân Kiều, tộc người Ma Coong; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh H và bà Y P; vợ: Y X và 06 con (Con lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/8/2019 cho đến nay. *Có mặt*

2. Đinh P; sinh ngày 16 tháng 3 năm 1997 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Bản R, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Bru - Vân Kiều, tộc người Ma Coong; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh T và bà Y X; vợ: Y C (chưa đăng ký kết hôn) và 01 con sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/8/2019 cho đến nay. *Có mặt*

- Nguyên đơn dân sự: UBND xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Đại diện tham gia tố tụng: Ông Đinh Phối- Phó Chủ tịch. *Có mặt*

- Người bào chữa cho bị cáo Đinh T và Đinh P: Bà Lê Hoàng Anh- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 03 năm 2019, Đinh T cùng con trai Đinh P sử dụng 01 con dao và 01 máy cưa xăng vào khu vực rừng phòng hộ do UBND xã Thượng Trạch quản lý thuộc Khoảnh 5, Tiểu khu 294, xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch để chặt phá và cưa hạ cây rừng làm nương rẫy trồng cây hoa màu. Quá trình phá rừng Đinh T dùng dao còn Đinh P dùng máy cưa xăng chặt phá và cưa hạ các cây trong khu vực trên. Tổng diện tích rừng các bị cáo hủy hoại trái phép là 6.335 m², gây thiệt hại về lâm sản rừng gồm 90 lóng gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII có khối lượng 21,917 m³, trị giá 44.401.000 đồng.

Theo giám định số: 561/KLGD-KL ngày 21/5/2019 của chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Bình kết luận: Vị trí, địa danh rừng bị thiệt hại thuộc Khoảnh 5, Tiểu khu 294, xã Thượng Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình; Diện tích thiệt hại 6.335 m²; Thiệt hại về lâm sản gồm gỗ nhóm III đến nhóm VIII, số lượng 90 lóng, khối lượng 21,917 m³; Loại rừng là rừng tự nhiên, trạng thái rừng thường xanh nghèo, chức năng là rừng phòng hộ, chủ thể quản lý UBND xã Thượng Trạch, Bố Trạch.

Kết luận định giá tài sản - tang vật vụ án số 26/KL-HĐĐGTS ngày 02/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bố Trạch kết luận: 90 cây gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII có khối lượng 21,917 m³ gỗ bị thiệt hại trên trị giá 44.401.000 đồng

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch thu giữ 01 máy cưa xăng màu vàng, 01 lưỡi lam và xích làm bằng sắt dài 80cm; 01 con dao cán làm bằng gỗ dài 12 cm, lưỡi làm bằng sắt dài 27 cm rộng 06 cm bị mẻ ở giữa; 90 (chín mươi) lóng gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII với khối lượng 21,917 m³ gỗ đang được UBND xã Thượng Trạch quản lý, bảo quản tại hiện trường; Hiện các vật chứng trên chưa xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, UBND xã Thượng Trạch có công văn số: 10/UBND ngày 24/10/2019 đề nghị các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của gia đình các bị cáo Đinh Tàn và Đinh Phành đề xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo và không yêu cầu các bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự.

Cáo trạng số: 87/CT-VKSBT ngày 11/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình truy tố các bị cáo Đinh Tàn và Đinh Phành về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ Luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm m, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 65, Điều 47 và Điều 48 Bộ Luật hình sự; các Điều 106, 136 của Bộ Luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với cả hai bị cáo Đinh T và Đinh P, tuyên xử:

- Về hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo Đinh T mức án từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Đinh P mức án từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Đinh T và Đinh P mỗi bị cáo phải chịu bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau với số tiền 22.200.500 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Đề nghị tuyên xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, nguyên đơn dân sự không yêu cầu gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh nhân thân của các bị cáo, trình độ học vấn và các chính sách của đảng và Nhà nước đối với người dân tộc thiểu số để cho các bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo giáo dục tại địa phương.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, có nhân tốt nhưng học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế do sinh sống tại địa bàn có điều kiện về kinh tế, xã hội hết sức khó khăn và thuộc diện hộ nghèo tại địa phương. Với phong tục tập quán canh tác lạc hậu nên trong khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo chỉ nhận thức hết sức giản đơn là tìm kiếm tư liệu sản xuất để trồng cây lương thực nuôi sống gia đình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình, nhân dân của các bị cáo cũng như các chính sách của đảng và nhà nước để xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa và xem xét miễn án phí cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng bị cáo: Các bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình đã gây ra là vi phạm pháp luật, nên rất ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét để được hưởng chính sách khoan hồng của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội và tính chất đồng phạm: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố; phù hợp với diện tích rừng bị chặt phá được mô tả theo biên bản phạm tội quả tang và các vật chứng được thu giữ tại hiện trường, phù hợp kết luận định giá của cơ quan chức năng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ thiếu hiểu biết về pháp luật và phong tục tập quán canh tác lạc hậu trong việc tìm kiếm, khai thác tư liệu đất nông nghiệp để trồng cây hòa màu làm lương thực, Đinh Tàn cùng con trai là Đinh Phành đã dùng 01 con dao và 01 máy cưa xăng chặt phá trái phép cây rừng trên tổng diện tích 6.335 m² thuộc Khoảnh 5, Tiểu khu 294, xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch và gây thiệt hại về lâm sản rừng gồm 90 lóng gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII với khối lượng 21,917 m³ có trị giá 44.401.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm lẻ một nghìn đồng*).

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều có vai trò là người thực hành tích cực và gây hậu quả thiệt hại về diện tích rừng phòng hộ ngang bằng nhau. Tuy nhiên, trong khi thực hiện hành vi giữa các bị cáo không có sự phân công bàn bạc cũng như việc cấu kết chặt chẽ với nhau từ trước. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có tổ chức.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm và tội phạm danh: Hành vi các bị cáo đã thực hiện như trên là nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm đến công tác quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ; làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và hệ sinh thái tại địa phương, là nguyên nhân gián tiếp gây ra lũ lụt, xói mòn đất, bị pháp luật hình sự nghiêm cấm, đồng thời thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ Luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, truy tố và đề nghị xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên cần phải xử phạt các bị cáo mức án đủ nghiêm nhằm răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều là những người đã trưởng thành và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng trình độ nhận thức về pháp luật và am hiểu đời sống xã hội còn nhiều hạn chế. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, từ trước đến nay chưa từng bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo xuất phát từ hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, thiếu tư liệu trong sản xuất nông nghiệp để tìm kiếm lương thực nuôi sống gia đình, cộng với tập quán canh tác lạc hậu của người dân tộc thiểu số nên đã phạm tội. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo luôn có thái độ thành khẩn trong khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu; thuộc hộ nghèo và được nguyên đơn dân sự, chính quyền địa phương đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy,

các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm m, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả gây thiệt hại mà các bị cáo đã gây ra cũng như quá trình nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự, có nhân thân tốt, lý lịch và nơi cư trú rõ ràng và đều là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình các bị cáo hết sức khó khăn; các bị cáo có khả năng tự cải tạo dưới sự giám sát, quản lý của chính quyền địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo hình phạt tù có thời hạn cho hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương giám sát, quản lý giáo dục trong thời gian thử thách của án treo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa và chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú là đã có đủ tác dụng giáo, dục răn đe đối với các bị cáo, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng của pháp luật và tạo cơ hội cho các bị cáo tự cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ Luật hình sự thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đến 100.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh kinh tế hết sức khó khăn, thuộc hộ nghèo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo cùng nhau gây thiệt hại 21,917 m³ gỗ các loại, có giá trị 44.401.000 đồng. Hậu quả các bị cáo gây ra ngang bằng nhau nên phải chịu trách nhiệm bồi thường theo phần bằng nhau. Do đó, buộc các bị cáo Đinh T và Đinh P mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường theo phần với số tiền 22.200.500 đồng/01 bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số vật chứng đang tạm giữ trong quá trình giải quyết vụ án, cần xử lý như sau:

- Đối với 01 máy cưa xăng màu vàng cùng với 01 lưỡi lam, 01 xích sắt dài 80cm là tài sản của các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội đang còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; 01 con dao cán làm bằng gỗ dài 12 cm, lưỡi làm bằng sắt dài 27 cm rộng 06 cm bị mẻ cũng là tài sản của các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 90 (chín mươi) lóng gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII, có khối lượng 21,917 m³ đang được tạm giao cho UBND xã Thượng Trạch quản lý, bảo quản tại hiện trường thì giao cho Hạt kiểm lâm huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ chịu án phí thì các bị cáo Đinh T và Đinh P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 1.110.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, xét thấy

các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, thuộc diện hộ nghèo và đều có đơn xin miễn án phí nên thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBNTVQH-14 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí cho các bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243; điểm m, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 65, Điều 47 và Điều 48 Bộ Luật hình sự; các Điều 106, 136 của Bộ Luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với cả hai bị cáo Đinh T và Đinh P, tuyên xử,

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đinh T và Đinh P phạm tội “Hủy hoại rừng”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đinh T 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (*Bốn mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/01/2020).

- Xử phạt bị cáo Đinh P 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (*Bốn mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/01/2020).

Giao các bị cáo Đinh T và Đinh P cho UBND xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự hiện hành.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Đinh T và Đinh P.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Đinh T phải chịu bồi thường thiệt hại theo phần với số tiền 22.200.500 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc các bị cáo Đinh P phải chịu bồi thường thiệt hại theo phần với số tiền 22.200.500 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 máy cưa xăng màu vàng; 01 lưỡi lam bằng sắt dài 80cm, phần lưỡi hẹp nhất 04cm, phần lưỡi rộng nhất 10cm và 01 dây xích làm bằng sắt dài 80cm;

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao cán làm bằng gỗ dài 12 cm, lưỡi làm bằng sắt dài 27 cm, rộng 06 cm bị mẻ ở giữa lưỡi dao.

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm, số lượng được mô tả như biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch)

- Giao cho Hạt kiểm lâm huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình 90 (chín mươi) lóng gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII, có khối lượng 21,917 m³ hiện đang tạm giao cho UBND xã Thượng Trạch bảo quản tại hiện trường để xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Phòng PV 06 CA tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- CA huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Hạt Kiểm lâm huyện Bố Trạch;
- UBND xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch
- Bị cáo, NĐDS;
- Lưu: HSVA, VP, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trung Thành